

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng hoặc sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Khách hàng vay vốn là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng vay vốn quy định tại Điều 3 Quyết định này.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng vay vốn

1. Người sau cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện ma túy bắt buộc hoặc đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định (sau đây gọi chung là người sau cai nghiện ma túy).

2. Người sau cai nghiện ma túy được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

3. Vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) Người lao động là người sau cai nghiện ma túy được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất kinh doanh) có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy.

Điều 4. Điều kiện vay vốn

1. Người sau cai nghiện ma túy đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có nhu cầu vay vốn và có tên trong danh sách người sau cai nghiện ma túy có thời gian kể từ ngày ban hành Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú đến thời điểm vay vốn không quá 10 năm, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, do Công an cấp xã lập và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo Biểu mẫu kèm theo Quyết định này.

b) Trường hợp người sau cai nghiện ma túy vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng phải thuộc trường hợp không còn dư nợ chương trình tín dụng khác có cùng mục đích đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, có giấy xác nhận của cơ sở đào tạo nghề nghiệp theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Cơ sở sản xuất kinh doanh đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Có sử dụng tối thiểu 10% tổng số lao động là người sau cai nghiện ma túy và có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp người sau cai nghiện ma túy là thành viên cùng hộ gia đình với chủ hộ kinh doanh hoặc là thành viên hộ kinh doanh thì không yêu cầu hợp đồng lao động.

Lao động là người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở sản xuất kinh doanh phải có tên trong danh sách theo Biểu mẫu kèm theo Quyết định này hoặc có Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú với thời gian kể từ ngày ban hành Quyết định đến thời điểm cơ sở sản xuất kinh doanh đề nghị vay vốn không quá 10 năm.

c) Có phương án vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

Điều 5. Phương thức cho vay

1. Đối với người sau cai nghiện ma túy

a) Thực hiện cho vay thông qua thành viên hộ gia đình hoặc người giám hộ của người sau cai nghiện ma túy (nếu có). Đại diện hộ gia đình hoặc người giám hộ của người sau cai nghiện ma túy là người đứng tên vay vốn và giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trường hợp người sau cai nghiện ma túy không thuộc đối tượng có người giám hộ theo quy định của pháp luật, trong hộ gia đình không có thành viên khác từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không có khả năng lao động hoặc không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thì người sau cai nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên được trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện phương thức cho vay trực tiếp.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

1. Vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

Vốn vay được sử dụng để trang trải chi phí cho việc học nghề, sinh hoạt của người sau cai nghiện ma túy trong thời gian theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chi phí này bao gồm học phí, sinh hoạt phí và chi phí học nghề khác.

2. Vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Vốn vay được sử dụng để chi trả chi phí thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm mà pháp luật không cấm.

Điều 7. Mức vốn cho vay

1. Vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

Mức cho vay tối đa bằng mức cho vay quy định theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) sau khi loại trừ các khoản hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp (nếu có) theo xác nhận của cơ sở đào tạo (mức cho vay tối đa hiện tại áp dụng là 4.000.000 đồng/tháng/người sau cai nghiện ma túy).

2. Vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) Người sau cai nghiện ma túy: Mức cho vay tối đa là 200.000.000 đồng/người sau cai nghiện ma túy.

Trường hợp người sau cai nghiện ma túy (trực tiếp đứng tên vay vốn hoặc vay vốn thông qua hộ gia đình, người giám hộ) đang có dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm hoặc các chương trình cho vay cá nhân khác có mục đích sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm tại Ngân hàng Chính sách xã hội thì tổng dư nợ của chương trình cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy và các chương trình có mục đích sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm không vượt quá mức cho vay tối đa quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh: Mức cho vay tối đa là 2.000.000.000 đồng/cơ sở sản xuất kinh doanh và không quá 200.000.000 đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

Điều 8. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

Điều 9. Thời hạn cho vay

1. Vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

a) Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay bắt đầu nhận vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi). Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ.

b) Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày người sau cai nghiện ma túy kết thúc khoá học nghề, kể cả thời gian người sau cai nghiện ma túy được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học nghề (nếu có).

c) Thời hạn trả nợ là khoảng thời gian tính từ ngày người vay trả món nợ đầu tiên khi kết thúc khóa học đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi).

Thời hạn trả nợ tối đa bằng 02 lần thời hạn phát tiền vay.

2. Vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định trên cơ sở nguồn vốn, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn để thỏa thuận với khách hàng vay vốn.

Điều 10. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định theo từng thời kỳ.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Điều 11. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn

1. Người sau cai nghiện ma túy vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng hoặc vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm không phải thực hiện bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn.

2. Cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn trên 200.000.000 đồng phải thực hiện bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn.

Điều 12. Nguồn vốn cho vay

1. Nguồn vốn cho vay theo quy định tại Quyết định này bao gồm: Ngân sách trung ương cấp 50% nguồn vốn từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật, Ngân hàng Chính sách xã hội đáp ứng 50% nguồn vốn từ nguồn vốn huy động theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo quy định về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 14. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn về hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn chi tiết việc gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn.

Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thi hành**1. Bộ Công an**

a) Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương, các cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến chính sách tại Quyết định này.

b) Chỉ đạo Công an các địa phương phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan tại địa phương tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc tổ chức thực hiện, theo dõi thi hành và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này; đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện và sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu có).

d) Công an cấp xã rà soát đối tượng và định kỳ vào ngày 05 hằng tháng lập và cung cấp danh sách người sau cai nghiện ma túy đã được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, xác nhận theo Biểu mẫu kèm theo Quyết định này gửi Ngân hàng Chính sách xã hội làm căn cứ cho vay.

2. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nguồn vốn đầu tư công để cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Hướng dẫn các nội dung tại Điều 14 Quyết định này;

b) Quản lý, huy động và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay theo Quyết định này;

c) Phối hợp với các bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã

a) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định để cho vay theo Quyết định này.

b) Hằng năm chỉ đạo các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc phê duyệt, xác nhận về đối tượng và điều kiện thụ hưởng chính sách quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quyết định này.

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tuyên truyền chính sách; tổ chức, giám sát triển khai thực hiện Quyết định này.

6. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

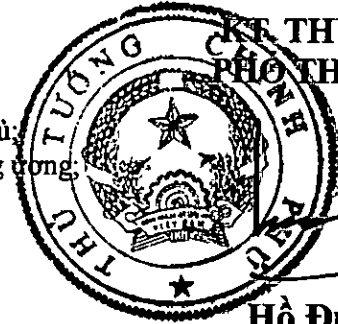
Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). M.Cường 70



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Đức Phớc



**Phụ lục
BIỂU MẪU**

(Kèm theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

**CÔNG AN TỈNH/TP⁽¹⁾
CÔNG AN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày tháng năm

DANH SÁCH

**Người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội
theo Quyết định số: 08/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

STT	Họ và tên	Giới tính (<i>Nam/Nữ</i>)	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp	Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy ⁽²⁾	Địa chỉ cư trú ⁽³⁾
1						
2						
3						
...						
Tổng cộng:						

LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG CÔNG AN XÃ/PHƯỜNG/
ĐẶC KHU.....⁽¹⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/
ĐẶC KHU.....⁽¹⁾**
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công an xã, phường, đặc khu.

² Ghi rõ số Quyết định, ngày Quyết định.

³ Ghi rõ địa chỉ cụ thể: Số nhà; đường phố, xóm; thôn/tổ dân phố; xã, phường, đặc khu; tỉnh, thành nơi người sau cai nghiện ma túy cư trú.